

Số: 1125/QĐ-LTT-CTCT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 10 năm 2018

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc Chuyển trạng thái thôi học trong Học kỳ I/2018-2019  
do học sinh, sinh viên nhập học với Khóa 2018

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG TP.HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGDĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về “Điều lệ trường cao đẳng”;

Căn cứ Quyết định số 72/QĐ-LTT-TC ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 17/2017/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên trong trường Trung cấp, trường Cao đẳng;

Căn cứ Quyết định 657/QĐ-LTT-CTCT ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Nội quy đối với học sinh, sinh viên;

Xét đề nghị của Trường phòng Công tác Chính trị - Học sinh Sinh viên,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Chuyển trạng thái thôi học của **154** Học sinh, sinh viên (HSSV) trong Học kỳ I năm học 2018-2019;

Lý do: Những HSSV này đã làm thủ tục tuyển sinh năm học 2018-2019 và hiện đang theo học khóa 2018 (có tên trong danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Yêu cầu giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập có trách nhiệm xóa tên những HSSV có tên trong danh sách các lớp cũ thuộc khóa 2016 và 2017.

**Điều 3.** Các Ông (Bà) Trường phòng, khoa, giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập và những HSSV có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

### Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Ban Giám hiệu (để biết);
- Lưu: VT, P.CTCT.



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Lộc

**DANH SÁCH HSSV ĐỀ NGHỊ CHUYỂN TRẠNG THÁI THÔI HỌC  
HK1/2018-2019 NHẬP HỌC VỚI KHÓA 2018**

(Kèm theo Quyết định số: 1125 /QĐ-LTT-CTCT ngày 12 tháng 10 năm 2018  
của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

| TT                                      | MSSV     | Họ và Tên        |        | Lớp cũ    | Lý do nhập học với Khóa 2018 | Ghi chú |
|-----------------------------------------|----------|------------------|--------|-----------|------------------------------|---------|
| <b>1. Khoa Kinh tế</b>                  |          | <b>7</b>         |        |           |                              |         |
| <b>Trung cấp</b>                        |          | <b>3</b>         |        |           |                              |         |
| 1                                       | 17000836 | Nguyễn Minh      | Phương | 17T4-KTD1 | 18T4-KTD1                    |         |
| 2                                       | 17000540 | Trần Đông        | Quân   | 17T4-KTD1 | 18T4-KTD1                    |         |
| 3                                       | 17000084 | Lưu Thị Thanh    | Trúc   | 17T4-KTD1 | 18T4-KTD1                    |         |
| <b>Cao đẳng</b>                         |          | <b>4</b>         |        |           |                              |         |
| 1                                       | 17002568 | Nguyễn Thanh     | Trường | 17C1-KTD1 | 18C1-QTD2                    |         |
| 2                                       | 17004598 | Trần Khánh       | Vy     | 17C1-KTD1 | 18C1-KTD2                    |         |
| 3                                       | 17001563 | Trương Hồ Quốc   | Bảo    | 17C1-QTD1 | 18C1-QTD1                    |         |
| 4                                       | 17001847 | Cao Hoàng        | Long   | 17C1-QTD1 | 18C1-QTD1                    |         |
| <b>2. Khoa Công nghệ Điện - Điện tử</b> |          | <b>29</b>        |        |           |                              |         |
| <b>Trung cấp</b>                        |          | <b>13</b>        |        |           |                              |         |
| 1                                       | 16000537 | Nguyễn Hoàng     | Nguyên | 16TCN-ĐT  | 18T4-NNA1                    |         |
| 2                                       | 17003810 | Vũ Tiến          | Dũng   | 17T4-ĐCN1 | 18T4-CCK1                    |         |
| 3                                       | 17000214 | Lưu Nguyễn Bảo   | Long   | 17T4-ĐCN1 | 18T4-LTM2                    |         |
| 4                                       | 17004632 | Lê Quang         | Lộc    | 17T4-ĐCN1 | 18T2-CNÔ1                    |         |
| 5                                       | 17000246 | Nguyễn Diệp Kinh | Luân   | 17T4-ĐCN1 | 18T4-ĐCN2                    |         |
| 6                                       | 17001969 | Nguyễn Thế       | Quý    | 17T4-ĐCN1 | 18T4-ĐCN1                    |         |
| 7                                       | 17000027 | Nguyễn Đức       | Thịnh  | 17T4-ĐCN1 | 18T4-ĐCN1                    |         |
| 8                                       | 17001783 | Hoa Tiền         | Phong  | 17T4-ĐCN2 | 18T4-CNÔ1                    |         |
| 9                                       | 17000476 | Hồ Viết Quang    | Hưng   | 17T4-ĐĐT1 | 18T4-TKW1                    |         |
| 10                                      | 17004332 | Phan Trung       | Kiên   | 17T4-ĐĐT1 | 18T4-THU2                    |         |
| 11                                      | 17002631 | Nguyễn Bảo       | Ngọc   | 17T4-ĐĐT1 | 18T4-CNÔ4                    |         |
| 12                                      | 17000055 | Văn Đức          | Nhân   | 17T4-ĐTC1 | 18T4-TKĐ2                    |         |
| 13                                      | 17002514 | Phạm Tấn         | Phát   | 17T4-ĐTC1 | 18T4-CNÔ1                    |         |
| <b>Cao đẳng</b>                         |          | <b>16</b>        |        |           |                              |         |
| 1                                       | 16000680 | Phạm Quốc        | Nam    | 16CĐ-TĐH1 | 18C1-QTD1                    |         |
| 2                                       | 17001788 | Nguyễn Tấn       | Giàu   | 17C1-ĐCN1 | 18C1-ĐCN4                    |         |
| 3                                       | 17002049 | Phạm Khắc        | Nguyên | 17C1-ĐCN1 | 18C1-CNÔ10                   |         |
| 4                                       | 17003486 | Nguyễn Ngọc      | Thạch  | 17C1-ĐCN3 | 18C1-ĐCN2                    |         |
| 5                                       | 17000465 | Đào Thành        | Đủ     | 17C1-ĐCN4 | 18C1-VSL2                    |         |
| 6                                       | 17004617 | Lê Thanh         | Dương  | 17C1-ĐĐT1 | 18C1-ĐĐT3                    |         |
| 7                                       | 17004730 | Võ Đông          | Kỳ     | 17C1-ĐĐT1 | 18C1-ĐĐT3                    |         |
| 8                                       | 17002204 | Hoàng Tấn        | Nghĩa  | 17C1-ĐĐT1 | 18C1-TKĐ1                    |         |
| 9                                       | 17002298 | Nguyễn Phạm Phú  | Sĩ     | 17C1-ĐĐT2 | 18C1-CMT2                    |         |
| 10                                      | 17003243 | Trương Trí       | Dũng   | 17C1-ĐĐT3 | 18C1-ĐĐT1                    |         |
| 11                                      | 17004674 | Lâm Thành        | Hào    | 17C1-ĐĐT3 | 18C1-CĐT2                    |         |
| 12                                      | 17003284 | Mai Hoàng        | Phúc   | 17C1-ĐĐT3 | 18C1-CNÔ16                   |         |



| TT                                | MSSV     | Họ và Tên        |           | Lớp cũ    | Lý do nhập học với Khóa 2018 | Ghi chú |
|-----------------------------------|----------|------------------|-----------|-----------|------------------------------|---------|
| 13                                | 17003611 | Nguyễn Anh       | Tuấn      | 17C1-ĐTC1 | 18C1-LTM1                    |         |
| 14                                | 17003627 | Nguyễn Quang     | Minh      | 17C1-CĐT1 | 18C1-CĐT1                    |         |
| 15                                | 17003405 | Nguyễn Đăng      | Việt      | 17C1-CĐT1 | 18C1-CNÔ1                    |         |
| 16                                | 17004704 | Phan Lạc Đăng    | Quang     | 17C1-TĐH1 | 18C1-TĐH2                    |         |
| <b>3. Khoa Công nghệ Cơ khí</b>   |          |                  | <b>24</b> |           |                              |         |
| <b>Trung cấp</b>                  |          | <b>9</b>         |           |           |                              |         |
| 1                                 | 16000502 | Vũ Tiến          | Đại       | 16TCN-CKL | 18T4-KML1                    |         |
| 2                                 | 16000235 | Lý Hoàng Anh     | Kiệt      | 16TCN-CKL | 18T4-CKC1                    |         |
| 3                                 | 16003208 | Phan Hoàng Đại   | Tiến      | 16TCN-CKL | 18T4-CCK1                    |         |
| 4                                 | 16000018 | Lê Minh          | Trung     | 16TCN-CKL | 18T4-QTM1                    |         |
| 5                                 | 17000356 | Trần Thanh       | Hoàng     | 17T4-CCK1 | 18T4-KTD1                    |         |
| 6                                 | 17000155 | Hoàng Trọng      | Tấn       | 17T4-CCK1 | 18T4-CMT1                    |         |
| 7                                 | 17001592 | Từ Tấn           | Đạt       | 17T4-CCK2 | 18T4-ĐCN1                    |         |
| 8                                 | 17000068 | Ngô Phạm Đăng    | Khoa      | 17T4-CKL1 | 18T4-CNM1                    |         |
| 9                                 | 17002615 | Hồ Quảng         | Tân       | 17T4-CKL1 | 18T4-CKC1                    |         |
| <b>Cao đẳng</b>                   |          | <b>15</b>        |           |           |                              |         |
| 1                                 | 16001428 | Hồ Thanh         | Tuấn      | 16CĐ-CTM3 | 18C1-CTM2                    |         |
| 2                                 | 16001396 | Lê Nguyễn Anh    | Duy       | 16CĐ-CTM4 | 18C1-CCK4                    |         |
| 3                                 | 16001245 | Nguyễn Duy       | Thạch     | 16CĐ-CTM5 | 18C1-CTM2                    |         |
| 4                                 | 16001870 | Nguyễn Minh      | Trung     | 16CĐ-CTM5 | 18C1-CTM1                    |         |
| 6                                 | 17002668 | Trương Quốc      | Bảo       | 17C1-CCK5 | 18C1-LTM2                    |         |
| 7                                 | 17002892 | Vũ Ngọc          | Lâm       | 17C1-CCK6 | 18C1-KML2                    |         |
| 8                                 | 17003218 | Trần Văn         | Thịnh     | 17C1-CCK7 | 18C1-CĐT2                    |         |
| 9                                 | 17004324 | Trần Huỳnh Thanh | Phong     | 17C1-CCK8 | 18C1-TMĐ1                    |         |
| 10                                | 17003742 | Nguyễn Anh       | Tuấn      | 17C1-CCK8 | 18C1-ĐCN4                    |         |
| 11                                | 17003926 | Nguyễn Liêm      | Thanh     | 17C1-CCK8 | 18C1-VSL2                    |         |
| 12                                | 17001777 | Nguyễn Thái      | Bình      | 17C1-CTM1 | 18C1-CNÔ1                    |         |
| 13                                | 17002408 | Ngô Công         | Danh      | 17C1-CTM2 | 18C1-VSL1                    |         |
| 14                                | 17004075 | Mai Chí          | Đạt       | 17C1-CKL1 | 18C1-CKL1                    |         |
| 5                                 | 17001957 | Trần Hoàng       | Huy       | 17C1-BCN1 | 18C1-KML2                    |         |
| 15                                | 18003433 | Nguyễn Hoàng     | Duy       | 18C1-CTM1 | 18C1-CTM2                    |         |
| <b>4. Khoa Khoa học Cơ bản</b>    |          |                  | <b>1</b>  |           |                              |         |
| <b>Trung cấp</b>                  |          | <b>1</b>         |           |           |                              |         |
| 1                                 | 17004823 | Hà Võ Phương     | Anh       | 17T4-NNA1 | 18T4-TKĐ1                    |         |
| <b>5. Khoa Công nghệ Động lực</b> |          |                  | <b>29</b> |           |                              |         |
| <b>Trung cấp</b>                  |          | <b>11</b>        |           |           |                              |         |
| 1                                 | 16000395 | Nguyễn Quốc      | Khánh     | 16TC-Ô1   | 18T4-CNÔ3                    |         |
| 2                                 | 16000754 | Võ Đình          | Lịch      | 16TC-Ô1   | 18T4-ĐCN2                    |         |
| 3                                 | 16001585 | Đoàn Phi         | Long      | 16TCN-Ô1  | 18T4-LTM1                    |         |
| 4                                 | 16000230 | Nguyễn Thành     | Lộc       | 16TCN-Ô1  | 18T4-CMT2                    |         |
| 5                                 | 16000222 | Lê Bá            | Thanh     | 16TCN-Ô1  | 18T4-CNÔ6                    |         |
| 6                                 | 16000110 | Lưu Văn          | Thiện     | 16TCN-Ô1  | 18T4-NNA3                    |         |
| 7                                 | 17000868 | Đỗ Nguyễn Công   | Thành     | 17T4-CNÔ3 | 18T4-ĐCN2                    |         |
| 8                                 | 17000940 | Võ Đức           | Anh       | 17T4-CNÔ4 | 18T4-CNÔ3                    |         |
| 9                                 | 17002319 | Nguyễn Duy       | Phát      | 17T4-CNÔ4 | 18T4-CNÔ5                    |         |
| 10                                | 17001842 | Nguyễn Tuấn      | Thanh     | 17T4-CNÔ4 | 18T4-CNÔ3                    |         |
| 11                                | 17003956 | Nguyễn Hoàng Anh | Thiện     | 17T4-CNÔ4 | 18T4-CNÔ6                    |         |

THÀNH  
TRƯỞNG  
CAO ĐẲNG  
TỰ NHIÊN  
HÀNH  
ĐỒ CHỈ

| TT                                 | MSSV     | Họ và Tên          |        | Lớp cũ     | Lý do nhập học với Khóa 2018 | Ghi chú |
|------------------------------------|----------|--------------------|--------|------------|------------------------------|---------|
| <b>Cao đẳng</b>                    |          | <b>18</b>          |        |            |                              |         |
| 1                                  | 16001370 | Nguyễn Lê Chánh    | Truyền | 16CĐ-Ô2    | 18C1-CNÔ18                   |         |
| 2                                  | 16001490 | Nguyễn Nhật        | Duy    | 16CĐ-Ô3    | 18C1-TĐH2                    |         |
| 3                                  | 16001833 | Phạm Văn           | Tường  | 16CĐ-Ô4    | 18C1-CCK3                    |         |
| 4                                  | 16002669 | Lương Thanh        | Diêm   | 16CĐ-Ô8    | 18C1-CĐT2                    |         |
| 5                                  | 17000717 | Trần Hoàng         | Nguyên | 17C1-CNÔ1  | 18C1-CNÔ15                   |         |
| 6                                  | 17004014 | Mai Anh            | Đức    | 17C1-CNÔ2  | 18C1-CNÔ7                    |         |
| 7                                  | 17001258 | Phạm Ngọc Đại      | Dương  | 17C1-CNÔ5  | 18C1-CNÔ4                    |         |
| 8                                  | 17001238 | Đoàn Hải           | Đăng   | 17C1-CNÔ5  | 18C1-CNÔ18                   |         |
| 9                                  | 17001227 | Hồ Tấn             | Phát   | 17C1-CNÔ5  | 18C1-CNÔ15                   |         |
| 10                                 | 17003887 | Ngô Tấn            | Phát   | 17C1-CNÔ5  | 18C1-CNÔ19                   |         |
| 11                                 | 17001270 | Bùi Quốc           | Trung  | 17C1-CNÔ5  | 18C1-CNÔ18                   |         |
| 12                                 | 17001650 | Lê Hữu             | Phước  | 17C1-CNÔ8  | 18C1-ĐĐT3                    |         |
| 13                                 | 17003734 | Nguyễn Hoài Khương | Duy    | 17C1-CNÔ9  | 18C1-CNÔ1                    |         |
| 14                                 | 17002152 | Đặng Tự            | Lập    | 17C1-CNÔ9  | 18C1-CKL1                    |         |
| 15                                 | 17004579 | Nguyễn Thành       | Hiếu   | 17C1-CNÔ10 | 18C1-CNÔ18                   |         |
| 16                                 | 17002257 | Nguyễn Thành       | Quang  | 17C1-CNÔ11 | 18C1-CNÔ15                   |         |
| 17                                 | 17002447 | Nguyễn Huy         | Tính   | 17C1-CNÔ11 | 18C1-CĐT2                    |         |
| 18                                 | 17003129 | Nguyễn Thành       | Đức    | 17C1-CNÔ13 | 18C1-CCK9                    |         |
| <b>6. Khoa Công nghệ Thông tin</b> |          | <b>57</b>          |        |            |                              |         |
| <b>Trung cấp</b>                   |          | <b>42</b>          |        |            |                              |         |
| 1                                  | 16001489 | Trần Gia           | Bảo    | 16TC-QTM   | 18T4-CĐT1                    |         |
| 2                                  | 16000476 | Nguyễn Võ Hạnh     | Phúc   | 16TC-QTM   | 18T4-NNA3                    |         |
| 3                                  | 16003818 | Trần Gia           | Anh    | 16TCN-QTM1 | 18T4-QTD1                    |         |
| 4                                  | 16000285 | Lê Hoàng Anh       | Duy    | 16TCN-QTM1 | 18T4-QTM1                    |         |
| 5                                  | 16000083 | Vũ Hoàng           | Duy    | 16TCN-QTM1 | 18T4-CMT2                    |         |
| 6                                  | 16000678 | Trần Tiến          | Đạt    | 16TCN-QTM1 | 18T4-QTD1                    |         |
| 7                                  | 16000203 | Nguyễn Huy         | Hoàng  | 16TCN-QTM1 | 18T4-CMT2                    |         |
| 8                                  | 16000426 | Mai Hoàng          | Minh   | 16TCN-QTM1 | 18T4-NNA1                    |         |
| 9                                  | 16000311 | Nguyễn Hoàng       | Nguyên | 16TCN-QTM1 | 18T4-CMT1                    |         |
| 10                                 | 16000528 | Lê Khả             | Nhiên  | 16TCN-QTM1 | 18T4-NNA3                    |         |
| 11                                 | 17003322 | Trần Trung         | Hiếu   | 17T4-CMT1  | 18T4-CNÔ3                    |         |
| 12                                 | 17000569 | Trần Phi           | Hùng   | 17T4-CMT1  | 18T4-NNA3                    |         |
| 13                                 | 17004374 | Trương Đức         | Huy    | 17T4-CMT1  | 18T4-CMT2                    |         |
| 14                                 | 17000410 | Nguyễn Thành       | Phát   | 17T4-CMT1  | 18T4-VSL2                    |         |
| 15                                 | 17001128 | Lê Nguyễn Trung    | Quân   | 17T4-CMT1  | 18T4-CMT1                    |         |
| 16                                 | 17000807 | Đặng Thanh         | Tuấn   | 17T4-CMT1  | 18T4-CMT2                    |         |
| 17                                 | 17003372 | Lê Kim             | Thìn   | 17T4-CMT1  | 18T4-CCK2                    |         |
| 18                                 | 17004841 | Nguyễn Thế         | Anh    | 17T4-TKW1  | 18T4-QTD2                    |         |
| 19                                 | 17002736 | Trần Hữu           | Nguyên | 17T4-TKW1  | 18T4-CNÔ1                    |         |
| 20                                 | 17004727 | Đào Nguyễn Hoàng   | Duy    | 17T4-THU1  | 18T4-TKW1                    |         |
| 21                                 | 17001806 | Trần Ngọc Hoàng    | Duy    | 17T4-THU1  | 18T4-THU1                    |         |
| 22                                 | 17002379 | Ngô Minh           | Hiếu   | 17T4-THU1  | 18T4-QTD2                    |         |
| 23                                 | 17000120 | Bùi Gia            | Kiệt   | 17T4-THU1  | 18T4-CNÔ5                    |         |
| 24                                 | 17000613 | Mai Thị Kim        | Khánh  | 17T4-THU1  | 18T4-QTD1                    |         |
| 25                                 | 17003944 | Nguyễn Phi Thanh   | Tuấn   | 17T4-THU1  | 18T4-TKW1                    |         |
| 26                                 | 17000324 | Ngô Bích           | Trâm   | 17T4-THU1  | 18T4-CNM1                    |         |
| 27                                 | 17000563 | Tạ Quang Kỳ        | Hiếu   | 17T4-LTM1  | 18T4-CNÔ2                    |         |



| TT                                        | MSSV     | Họ và Tên        |       | Lớp cũ      | Lý do nhập học với Khóa 2018 | Ghi chú |
|-------------------------------------------|----------|------------------|-------|-------------|------------------------------|---------|
| 28                                        | 17000517 | Cao Khánh        | Hung  | 17T4-LTM1   | 18T4-LTM1                    |         |
| 29                                        | 17000229 | Nguyễn Phạm Thùy | Linh  | 17T4-LTM1   | 18T4-NNA2                    |         |
| 30                                        | 17000562 | Đặng Bắc Trung   | Nam   | 17T4-LTM1   | 18T4-QTD1                    |         |
| 31                                        | 17000087 | Trịnh Hoàng Ánh  | Ngọc  | 17T4-LTM1   | 18T4-KTD1                    |         |
| 32                                        | 17000228 | Huỳnh Thị Trúc   | Nhi   | 17T4-LTM1   | 18T4-NNA3                    |         |
| 33                                        | 17002240 | Lê Quang         | Tuấn  | 17T4-LTM1   | 18T4-ĐCN1                    |         |
| 34                                        | 17003824 | Nguyễn Duy       | Thức  | 17T4-LTM1   | 18T4-TKĐ2                    |         |
| 35                                        | 17000150 | Nguyễn Mỹ Đoan   | Trang | 17T4-LTM1   | 18T4-NNA2                    |         |
| 36                                        | 17000901 | Cao Thanh        | Vũ    | 17T4-LTM1   | 18T4-NNA2                    |         |
| 37                                        | 17002869 | Vũ Nguyễn Thanh  | Danh  | 17T4-QTM1   | 18T4-TKW1                    |         |
| 38                                        | 17003382 | Nguyễn Thanh     | Hậu   | 17T4-QTM1   | 18T4-QTM1                    |         |
| 39                                        | 17000234 | Nguyễn Phi       | Hùng  | 17T4-QTM1   | 18T4-VSL2                    |         |
| 40                                        | 17002734 | Nguyễn Hà Nhật   | Lâm   | 17T4-QTM1   | 18T4-KXD1                    |         |
| 41                                        | 17000668 | Nguyễn Bá        | Phúc  | 17T4-QTM1   | 18T4-CKC1                    |         |
| 42                                        | 17004677 | Lưu Bá           | Son   | 17T4-QTM1   | 17T4-QTM1                    |         |
| <b>Cao đẳng</b>                           |          | <b>15</b>        |       |             |                              |         |
| 1                                         | 16003654 | Đào Đức          | Đạt   | 16CĐ-TW1    | 18C1-CNÔ1                    |         |
| 2                                         | 16003473 | Nguyễn Phúc      | Nhân  | 16CĐ-TW1    | 18C1-TKĐ1                    |         |
| 3                                         | 16002324 | Hồ Hữu           | Thắng | 16CĐ-TW1    | 18C1-TKĐ1                    |         |
| 4                                         | 17002843 | Nguyễn Minh Hồng | Dương | 17C1-CMT1   | 18C1-QTM1                    |         |
| 5                                         | 17001813 | Trần Duyên       | Hải   | 17C1-CMT1   | 18C1-NNA2                    |         |
| 6                                         | 17002632 | Nguyễn Phước     | Huy   | 17C1-CMT1   | 18C1-QTD2                    |         |
| 7                                         | 17001529 | Trịnh Quang      | Khải  | 17C1-CMT1   | 18C1-NNA1                    |         |
| 8                                         | 17004610 | Đặng Công        | Lực   | 17C1-CMT2   | 18C1-CMT2                    |         |
| 9                                         | 17003950 | Giang Phạm Yến   | Bình  | 17C1-THU1   | 18C1-KTD2                    |         |
| 10                                        | 17001566 | Trần Châu        | Giang | 17C1-TKW1   | 18C1-TKĐ1                    |         |
| 11                                        | 17000790 | Nguyễn Duy       | Khánh | 17C1-TKW1   | 18C1-QTD2                    |         |
| 12                                        | 17003162 | Trương Đình      | Nghĩa | 17C1-TKW1   | 18C1-QTD2                    |         |
| 13                                        | 17004620 | Phạm Kiều Tiến   | Hoài  | 17C1-LTM1   | 18C1-NNA2                    |         |
| 14                                        | 17002913 | Nguyễn Thanh     | Lâm   | 17C1-LTM1   | 18C1-QTM1                    |         |
| 15                                        | 17003917 | Trần Hữu         | Thọ   | 17C1-LTM2   | 18C1-LTM2                    |         |
| <b>7. Khoa Công nghệ Nhiệt - Lạnh</b>     |          | <b>5</b>         |       |             |                              |         |
| <b>Trung cấp</b>                          |          | <b>4</b>         |       |             |                              |         |
| 1                                         | 16000480 | Lại Gia          | Phát  | 16TCN-LĐL1  | 18T4-NNA3                    |         |
| 2                                         | 17003237 | Lê Nguyễn Hoàng  | Phúc  | 17T4-LĐL1   | 18T4-QTM1                    |         |
| 3                                         | 17000622 | Trương Đặng Huy  | Hoàng | 17T4-LĐL2   | 18T4-ĐCN1                    |         |
| 4                                         | 17000317 | Hoàng Nguyễn Đức | Anh   | 17T4-CNL1   | 18T4-TKW1                    |         |
| <b>Cao đẳng</b>                           |          | <b>1</b>         |       |             |                              |         |
| 1                                         | 17002744 | Nguyễn Hoàng     | Son   | 17C1-CNL1   | 18C1-CNL1                    |         |
| <b>8. Khoa Công nghệ May - Thời trang</b> |          | <b>2</b>         |       |             |                              |         |
| <b>Cao đẳng</b>                           |          | <b>2</b>         |       |             |                              |         |
| 1                                         | 17002824 | Nguyễn Phương    | Dần   | 17C1-CNM1   | 18C1-CMT1                    |         |
| 2                                         | 17001992 | Võ Hoàng         | Tài   | 17C1-CNM1   | 18C1-CNM1                    |         |
| <b>Tổng cộng: 154</b>                     |          |                  |       | <b>HSSV</b> |                              |         |

KHOA CH M

*Chữ ký*